

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nông Thị M, sinh năm 1988; thường trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn A, xã P, tỉnh Đồng Nai); tạm trú: B, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là B, tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Trương Văn T, sinh năm 1992; thường trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp); tạm trú: D, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là D, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh chị có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên

cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm sống. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống chị Nông Thị M xác định không có con chung,

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nông Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: thống nhất với chị Nông Thị M về việc tìm hiểu, thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay, anh Trương Văn T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Trương Văn T xác định không có con chung,

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh Trương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Nông Thị M và bị đơn anh Trương Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị M và bị đơn anh Trương Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/5/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị Nông Thị M và bị đơn anh Trương Văn T đều xác định sau một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Nông Thị M và anh Trương Văn T thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nông Thị M và anh Trương Văn T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nông Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị M được ly hôn với anh Trương Văn T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/5/2018 (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về con chung: chị Nông Thị M và anh Trương Văn T thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nông Thị M và anh Trương Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001778 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

